

Số: 03/2019/QĐST - VDS

Tam Đường, ngày 20 tháng 6 năm 2019

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
(Về việc yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật)

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM ĐƯỜNG, TỈNH LAI CHÂU

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên họp: Ông Đoàn Trung phước

Thư ký phiên họp: Ông Phạm Khắc Huân

**Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu tham gia phiên họp bà Tô
Đỗ Yến L - Kiểm sát viên**

Ngày 20 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự sơ thẩm thụ lý số: 03/2019/TLST - VHNGĐ ngày 21 tháng 5 năm 2019. Về việc " Yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số: 03/2019/QĐST- HNGĐ ngày 11 tháng 6 năm 2019, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Anh Lò Văn C, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản C, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

Chị La Thị T, sinh năm 1996. Địa chỉ: Bản C, xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu (có mặt)

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ

Trong đơn yêu cầu của anh Lò Văn C và chị La Thị T đề ngày 17 tháng 5 năm 2019 và bản tự khai, lời khai của anh C, chị T tại Toà án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu đều trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị La Thị T đăng ký kết hôn ngày 11 tháng 9 năm 2015 tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu. Kết hôn trên cơ sở tự nguyện. Tại thời điểm anh C, chị T làm thủ tục đăng ký kết hôn khi đó Lò Văn C, sinh ngày 07/3/1996 chưa đủ tuổi kết hôn và có làm bản tự khai đăng ký kết hôn, sinh ngày 07/3/1993 để đủ tuổi làm thủ tục đăng ký kết hôn, nên cán bộ tư pháp xã B do ông Giàng Văn X trực tiếp làm thủ tục cấp đăng ký kết hôn cho vợ chồng anh Lò Văn C, sinh ngày 07/3/1993, vợ là La Thị T sinh năm 1996, vào sổ 36/2015, quyền số 01 năm 2014, do UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015.

Hiện nay trong sổ hộ khẩu gia đình, giấy chứng nhận đăng ký kết hôn thì anh Lò Văn C đều ghi sinh ngày 07/3/1993 và giấy khai sinh của con trai Lò Gia B thì anh Lò Văn C (cha đẻ) có năm sinh là 1993 là không khớp với Chứng minh nhân dân, học bạ, giấy khai sinh, giấy chứng nhận hoàn thành chương trình tiểu học số 53/CN - TH cấp ngày 21/5/2007 do Trường tiểu học Bản G cấp cho anh Lò Văn C đều ghi sinh ngày 07/3/1996 là không khớp nhau. Nay anh C, chị T làm đơn đề nghị Tòa án hủy việc kết

hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn C và chị La Thị T, giấy chứng nhận kết hôn vào sổ số 36/2015, quyển số 01/2014 do UBND xã B cấp ngày 11 tháng 9 năm 2015 cho vợ chồng anh. Đồng thời đề nghị Tòa án công nhận hôn nhân hợp pháp cho vợ chồng anh kể từ ngày anh Lò Văn C đủ tuổi kết hôn.

Tại phiên họp Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng giải quyết việc dân sự, Thư ký đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Anh Lò Văn C và chị La Thị T đã thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 29, Điều 370, Điều 371, Điều 372/Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11, Điều 12 Luật HNGĐ; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm thu nộp nghĩa vụ quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Đề nghị chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn C và chị La Thị T.

1. Về hôn nhân: Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn C và chị La Thị T.

2. Công nhận hôn nhân hợp pháp cho anh Lò Văn C và chị La Thị T kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2016.

3. Về lệ phí: Anh Lò Văn C và chị La Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của người yêu cầu và Đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp. Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu nhận định:

[1]. Về tố tụng: Quá trình giải quyết việc dân sự Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Lai Châu đã tiến hành các thủ tục giao, Thông báo thụ lý việc dân sự, thông báo hòa giải và các thủ tục tố tụng khác đều đảm bảo theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Lò Văn C và chị La Thị T kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu vào ngày 11 tháng 9 năm 2015. Hội đồng giải quyết việc dân sự xét thấy thời điểm anh C, chị T đăng ký kết hôn anh Lò Văn C, sinh ngày 07/3/1996 chưa đủ điều kiện về độ tuổi để đăng ký kết hôn (mới 19 tuổi 05 tháng 26 ngày) như vậy việc đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu đã vi phạm điểm a, khoản 1 Điều 8/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014. “Điều 8/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 có quy định Điều kiện kết hôn Nam nữ kết hôn với nhau phải tuân theo các điều kiện sau đây: Nam từ đủ hai mươi tuổi trở lên, nữ từ đủ mười tám tuổi trở lên”. Quan hệ hôn nhân giữa anh Lò Văn C và chị La Thị T là quan hệ hôn nhân không hợp pháp, do vậy không được pháp luật công nhận, bảo vệ. Anh Lò Văn C và chị La Thị T đều có yêu cầu hủy việc kết hôn trái pháp luật là có căn cứ, cần được chấp nhận.

[3]. Về yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp của anh Lò Văn C và chị La Thị T kể từ ngày anh C đủ tuổi kết hôn: Tại thời điểm Tòa án giải quyết yêu cầu hủy việc kết

hôn trái pháp luật, anh Lò Văn C và chị La Thị T đều đã đủ tuổi kết hôn (anh Ch đủ 20 tuổi kể từ ngày 07/3/2016), vì vậy căn cứ vào khoản 2 Điều 11/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 Tòa án cần chấp nhận yêu cầu công nhận hôn nhân hợp pháp của anh Lò Văn C và chị La Thị T.

[4]. Về kiến nghị: Kiến nghị UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện việc ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và hợp thức hóa việc đăng ký kết hôn cho anh Lò Văn C và chị La Thị T đúng theo quy định của pháp luật

[5]. Về lệ phí: Người yêu cầu phải chịu lệ phí giải quyết việc dân sự theo quy định của pháp luật.

[6]. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị Quyết định này theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 29, khoản 2 Điều 146, khoản 4 Điều 363, Điều 370, Điều 371, Điều 372/Bộ luật tố tụng dân sự; Điểm a, khoản 1 Điều 8, Điều 10, Điều 11/Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Khoản 5 Điều 7, điểm a khoản 3 Điều 17, khoản 1 Điều 36/Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của anh Lò Văn C và chị La Thị T.

- Hủy việc kết hôn trái pháp luật giữa anh Lò Văn C và chị La Thị T; Hủy giấy chứng nhận kết hôn số 36/2015, quyển số 01/2014 do Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu cấp cho anh Lò Văn C và chị La Thị T, kể từ ngày 20 tháng 6 năm 2019.

- Công nhận hôn nhân hợp pháp giữa anh Lò Văn C và chị La Thị T kể từ ngày 07 tháng 3 năm 2016.

2. Kiến nghị UBND xã B, huyện T, tỉnh Lai Châu thực hiện ghi chú vào sổ hộ tịch về việc hủy kết hôn trái pháp luật và hợp thức hóa việc đăng ký kết hôn cho anh Lò Văn C và chị La Thị T đúng theo quy định của pháp luật.

3. Về Lệ phí Tòa án: Anh Lò Văn C và chị La Thị T mỗi người phải chịu 150.000 VNĐ (một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm, anh Lò Văn C và chị La Thị T đã nộp tổng cộng 300.000 (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí giải quyết việc dân sự tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T theo biên lai số AA/2010/0003795 ngày 20 tháng 5 năm 2019, nay 300.000 đồng đã nộp được chuyển thành lệ phí.

4. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp có quyền kháng nghị, người yêu cầu có quyền kháng cáo quyết định này trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày công bố quyết định.

5. Quyết định này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lai Châu;
- VKSND huyện T;
- Chi CTHADS huyện T;
- UBND xã Bản Giang;
- Phòng tư pháp huyện T (phối hợp);
- Đương sự;
- Lưu HSVDS.

THẨM PHÁN**Đã ký****Đoàn Trung Phước**